

BẢNG GIÁ DV TT02_CẤP CỨU
Size: 3.2 x 1.6 m_In hiflex

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH



BỆNH VIỆN TỰ DŨ
TU DU HOSPITAL

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÔNG THUỘC PHẠM VI THANH TOÁN BHYT
(TTLT số 02/2017/TT-BYT ngày 15/03/2017 áp dụng từ ngày 1/8/2017)

Đơn vị tính: VND

TÊN DỊCH VỤ	GIÁ DỊCH VỤ THEO TT02	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ DỊCH VỤ THEO TT02	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ DỊCH VỤ THEO TT02	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ DỊCH VỤ THEO TT02	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ DỊCH VỤ THEO TT02
I. KHUNG GIÁ KHÁM BỆNH									
01. Khám bệnh chuyên khoa	29.000	01. Tập vận động toàn thân (30 phút)	44.500	50. Nội soi đường tiêu hóa chẩn đoán	2.746.000	116. Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	3.937.000	15. Dinh dưỡng 250H Vitamin D(3)	286.000
02. Hộ chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/cá)	200.000	02. Khám bệnh huyết	61.300	51. Nội soi thực quản	1.380.000	117. Phẫu thuật thất động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	4.757.000	16. Nội nữ khoa (N+ , K+ , G+)	26.000
II. KHUNG GIÁ MỖ MÁY GIƯỜNG BỆNH									
01. Ngụy điều trị bất sản tích cực (CĐ) (chưa bao gồm chi phí máy thở nếu có)	632.200	03. Siêu âm điều trị	60.000	52. Họng họng từ cấp độ ung thư ở chứng định	562.000	118. Phẫu thuật thất động mạch từ trong cấp cứu sản phụ khoa	3.241.000	17. Cắt cổ	12.700
02. Ngụy giường bệnh nội khoa sản phụ khoa phẫu thuật đặt đặt biệt	335.000	04. Điện tử trường	37.000	53. Ngong cổ tử cung do bất sản chđ	208.000	119. Phẫu thuật thất động mạch từ trong cấp cứu sản phụ khoa	3.949.000	18. Massage	11.800
03. Ngụy giường bệnh nội khoa sản phụ khoa phẫu thuật đặt đặt biệt	199.100	05. Họng ngao	41.100	54. Ngong đặt dụng cụ vào công chứng định buồng tử cung	161.000	120. Phẫu thuật treo tử cung	2.750.000	19. Bình lượng Albumine	21.200
04. Ngụy giường bệnh nội khoa sản phụ khoa phẫu thuật đặt đặt biệt	199.100	06. Kéo giãn cổ tử cung để sinh sản	50.500	55. Phai thất bằng phương pháp nong và gấp tử cung từ 13 đến hết tuần thứ 18	1.108.000	121. Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)	5.910.000	20. Bình lượng Ure	21.200
05. Ngụy giường bệnh nội khoa sản phụ khoa phẫu thuật đặt đặt biệt	199.100	07. Tập vận động khớp	41.500	56. Phai thất bằng thuốc cho tuần thứ 7 và 7 tuần đến hết 13 tuần	283.000	122. Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	369.000	21. Bình lượng Creatinine	21.200
06. Ngụy giường bệnh nội khoa sản phụ khoa phẫu thuật đặt đặt biệt	178.000	08. Tập vận động toàn thân	24.300	57. Phai thất đến hết 7 tuần bằng phương pháp đặt chân không	358.000	123. Sinh thiết gai rau	1.136.000	22. Bình lượng axit Lactic	21.200
07. Ngụy giường bệnh ngoại khoa sản phụ khoa phẫu thuật đặt đặt biệt	206.400	09. Tập vận động toàn thân	38.800	58. Phai thất đến hết 7 tuần bằng thuốc	177.000	124. Sinh thiết hạch bạch (cấp) trong ung thư vú	2.143.000	23. Bình lượng Protein toàn phần	21.200
08. Ngụy giường bệnh ngoại khoa sản phụ khoa phẫu thuật loại 1	250.200	10. Tập vận động khớp	52.400	59. Phai thất từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt tử cung	1.003.000	125. Soi cổ tử cung	58.900	24. Glucose (đường huyết)	21.200
09. Ngụy giường bệnh ngoại khoa sản phụ khoa phẫu thuật loại 2	214.100	11. Tập vận động khớp (động máy)	122.000	60. Phai thất từ 13 tuần đến 22 tuần bằng thuốc	519.000	126. Soi cổ tử	45.900	25. Bình lượng Bilirubin trực tiếp	21.200
10. Ngụy giường bệnh ngoại khoa sản phụ khoa phẫu thuật loại 3	103.000	12. Tập vận động khớp (động máy)	44.500	61. Phai thất từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp đặt chân không	383.000	127. Thủ thuậtLEEP (cắt cổ tử cung bằng sóng vô tuyến nhiệt)	1.078.000	26. Bình lượng Bilirubin toàn phần	21.200
III. CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH									
SIÊU ÂM									
01. Siêu âm	49.000	01. Chẩn đoán bệnh nhân khi đi về chỗ chẩn đoán (PMA)	173.000	70. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.564.000	136. Truyền huyết thanh nhân khi đi về chỗ chẩn đoán (PMA)	14.800	35. Xét nghiệm + Hăm	67.200
02. Siêu âm điều trị âm đạo, trực tràng	19.000	02. Bóc xương tuyến Barolin	1.237.000	71. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.724.000	137. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	36. Công thức nghiệm sắc thể (Karyotype)	675.000
03. Theo dõi theo dõi tử cung và cổ tử cung (non-stress)	70.000	03. Bóc xương thượng thận nguyên bào nuôi đi căn âm đạo	2.586.000	72. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	9.188.000	138. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	37. Công thức nghiệm sắc thể (Karyotype)	72.600
04. Siêu âm Doppler theo dõi tuần hoàn máu tại đây, trực, động mạch tử cung	79.500	04. Bóc xương thận	947.000	73. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	7.115.000	139. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.246.000	38. Công thức nghiệm sắc thể (Karyotype)	28.000
CHỤP X-QUANG SƠ HỌA									
01. Chụp X-quang sọ não 1 phim	69.000	05. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	947.000	74. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.948.000	140. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.855.000	39. Phai thất bằng phương pháp Laparoscopic (phẫu thuật nội soi)	237.000
02. Chụp X-quang sọ não 2 phim	94.000	06. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	2.677.000	75. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.531.000	141. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.848.000	40. Thời gian phẫu thuật (phương pháp Dule)	12.300
03. Chụp X-quang sọ não 3 phim	119.000	07. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	10.090	76. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.538.000	142. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.742.000	41. HbA1c	99.600
04. Chụp X-quang sọ não 4 phim	396.000	08. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	5.578.000	77. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.594.000	143. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.704.000	42. HbA1c	296.000
05. Chụp X-quang sọ não 5 phim	594.000	09. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	1.960.000	78. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.553.000	144. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.704.000	43. HIV kháng thể	165.000
06. Chụp X-quang sọ não 6 phim	371.000	10. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	5.810.000	79. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.553.000	145. Cắt u nang buồng trứng và phẫu thuật	4.899.000	HỎI SINH - MÀU	
CHỤP CẮT LỖI TIỀN, CHỤP MẠC, CÔNG HƯỚNG TỬ									
01. Chụp công hướng tử MRI có tiêm thuốc cản quang	1.754.000	11. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	4.522.000	80. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.553.000	146. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	01. Testosterone	92.200
02. Chụp công hướng tử MRI có tiêm thuốc cản quang	2.358.000	12. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	781.000	81. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	12.533.000	147. Cắt u nang buồng trứng và phẫu thuật	4.899.000	02. Progesterone	79.500
MỖ SƠ TỬ THUẬT KHÁC									
01. Do một ổ ung thư 2 x 1	139.000	13. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	26.000	82. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.735.000	148. Cắt u nang buồng trứng và phẫu thuật	4.899.000	03. Prolactin	74.200
02. Hăm liên tục 12-24 giờ liên tục	392.000	14. Cắt bỏ u vú - vết hạch bên hai bên	26.000	83. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.735.000	149. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	04. FSH	79.500
03. Truyền hóa chất kháng ung thư bằng (ngực)	194.000	15. Chẩn đoán ung thư	751.000	84. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.735.000	150. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	05. LH	79.500
04. Chọc dò tủy sống sơ sinh (chưa bao gồm kim chọc dò)	100.000	16. Chẩn đoán ung thư	805.000	85. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.735.000	151. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	06. Estradiol	79.500
05. Rửa dạ dày sơ sinh	106.000	17. Chẩn đoán ung thư	389.000	86. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.694.000	152. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	07. Beta-HCG	84.800
06. Cắt chỉ (chỉ áp dụng đối với bệnh ngoại trị)	30.000	18. Chẩn đoán ung thư	267.000	87. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.694.000	153. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	08. T3	61.600
07. Thở dài	85.400	19. Chẩn đoán ung thư	2.155.000	88. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.694.000	154. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	09. T4	61.600
08. Thắt mạch phôi (đỡ suture hóa sản)	78.000	20. Chẩn đoán ung thư	681.000	89. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.694.000	155. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.899.000	10. F13	61.600
09. Chọc hút hạch bạch huyết	104.000	21. Chẩn đoán ung thư	798.000	90. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.881.000	156. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	3.362.000	11. F14	38.300
10. Chọc hút tế bào tuyến giáp	104.000	22. Chẩn đoán ung thư	5.873.000	91. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.135.000	157. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	12. F15	38.300
11. Chọc dò màng bụng hoặc màng phổi	111.000	23. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	675.000	92. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	7.637.000	158. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	13. G175	137.000
12. Chọc dò màng phổi	198.000	24. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	146.000	93. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.674.000	159. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	14. Alpha PP (AFP)	99.100
13. Chọc dò tử cung nội mạc	136.000	25. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	257.000	94. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	160. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	15. CEA	84.800
14. Thay rửa hệ thống dẫn lưu màng phổi	89.500	26. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	927.000	95. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	161. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	16. LH	26.500
15. Rửa bàng quang (chưa bao gồm kim chọc dò)	165.000	27. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	1.114.000	96. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	162. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	17. Ferritin	79.500
16. Họng nội mạc để đặt thông đạo	228.000	28. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	3.941.000	97. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	163. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	18. HbA1c	212.000
17. Sinh thiết hạch u	249.000	29. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	877.000	98. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	164. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	19. Phấn định CIP	21.200
18. Nội soi ổ bụng	977.000	30. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	636.000	99. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	4.578.000	165. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	20. Phấn định CIP	51.000
19. Nội soi ổ bụng có sinh thiết	957.000	31. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	191.000	100. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	2.673.000	166. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	21. Phấn định CIP	296.000
20. Mổ khám	704.000	32. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	417.000	101. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	167. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	22. Pro-calcitonin	39.000
21. Sinh thiết hạch u	533.000	33. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	2.658.000	102. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	168. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	23. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	21.300
22. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	533.000	34. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	1.252.000	103. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	169. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	HỎI SINH - HUYẾT HÓA	
23. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	458.000	35. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	1.010.000	104. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	170. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	01. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	45.900
24. Sinh thiết nang hoặc nang phổi đặt đường dẫn của siêu âm	107.000	36. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	2.673.000	105. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	171. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	02. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
25. Chọc hút hạch bạch huyết (đặt đường dẫn của siêu âm)	145.000	37. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	59.600	106. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	172. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	03. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
26. Rửa dạ dày sơ sinh	85.400	38. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	2.638.000	107. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	173. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	04. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
27. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	640.000	39. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	2.524.000	108. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	174. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	05. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
28. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	1.113.000	40. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	82.100	109. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	175. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	06. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
29. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	904.000	41. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	541.000	110. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	176. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	07. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
30. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	79.600	42. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	2.728.000	111. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	177. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	08. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
31. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	129.000	43. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	2.147.000	112. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	178. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	09. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
32. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	174.000	44. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	3.282.000	113. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	179. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	10. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
33. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	227.000	45. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	716.000	114. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	180. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	11. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
34. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	172.000	46. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	331.000	115. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	181. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	12. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
35. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	106.000	47. Bơm dịch phôi tổng hợp để tử cung vào tử cung	4.285.000	116. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	182. Phẫu thuật cắt cổ tử cung và tái tạo tử cung sau mổ đại	5.386.000	13. Nghiệm pháp dung glucose cho người bệnh tiểu đường	158.000
V. PHẠM CHẨN - PHỤC VỤ CHỨC NĂNG									
01. Khám bệnh nội khoa	39.000	01. Tập vận động toàn thân (30 phút)	44.500	50. Nội soi đường tiêu hóa chẩn đoán	2.746.000	116. Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	3.937.000	15. Dinh dưỡng 250H Vitamin D(3)	286.000
02. Hộ chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/cá)	200.000	02. Khám bệnh huyết	61.300	51. Nội soi thực quản	1.380.000	117. Phẫu thuật thất động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	4.757.000	16. Nội nữ khoa (N+ , K+ , G+)	26.000
II. KHUNG GIÁ MỖ MÁY GIƯỜNG BỆNH		03. Siêu âm điều trị	60.000	52. Họng họng từ cấp độ ung thư ở chứng định	562.000	118. Phẫu thuật thất động mạch từ trong cấp cứu sản phụ khoa	3.241.000	17. Cắt cổ	12.700
01. Ngụy điều trị bất sản tích cực (CĐ) (chưa bao gồm chi phí máy thở nếu có)	632.200	04. Điện tử trường	37.000	53. Ngong cổ tử cung do bất sản chđ	208.000	119. Phẫu thuật thất động mạch từ trong cấp cứu sản phụ khoa	3.949.000	18. Massage	11.800